

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Phạm Hồng Chương

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: chuongph@neu.edu.vn

Nhóm nghiên cứu

Khoa Kế hoạch và Phát triển, Khoa Toán Kinh tế,

Khoa Thống kê và Khoa Kinh tế học

Email: baohd@neu.edu.vn

Ngày nhận: 03/4/2020

Ngày nhận bản sửa: 10/4/2020

Ngày duyệt đăng: 20/4/2020

Tóm tắt:

Nghiên cứu này hướng đến việc dự phóng các kịch bản tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam và từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm hạn chế các tác động tiêu cực về mặt kinh tế. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng: (i) Tăng trưởng GDP quý 2 của Việt Nam dự báo khoảng 2,0 % so với cùng kỳ và thậm chí suy thoái nếu xảy ra kịch bản xấu; (ii) Nếu đại dịch kéo dài thì ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng là rất nghiêm trọng. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xây dựng nhiều kịch bản chính sách kinh tế khác nhau từ ngắn (hỗ trợ) đến dài hạn (giải cứu) nhằm ứng phó với tình hình dịch ở cả Việt Nam lẫn các quốc gia khác trên thế giới. Các giải pháp chính sách đưa ra cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.

Từ khóa: Covid-19, Nền kinh tế Việt Nam, Phản ứng chính sách.

Mã JEL: E20

Impacts of Covid-19 pandemic on Vietnamese economy

Abstract:

The paper aims to project scenarios of how Covid-19 pandemic affect Vietnamese economy and to provide several policy recommendations to mitigate its negative impacts. The empirical results show that (i) Economic growth in Vietnam reduces to only 2% in second quarter of the year 2020 and even runs into a recession in the worst scenario; (ii) if the pandemic is prolonged, the negative impacts are extremely serious, especially for enterprise sector. We highly recommend that Vietnamese government should propose various economic policy packages – both in very short run (supporting policies) and in long run (rescuing policies) – to actively cope with different pandemic scenarios in Vietnam as well as in the other countries. Lagging in issuing and implementing is critical point to achieve policy effectiveness of the policies.

Keywords: Covid-19 Pandemic, Vietnamese economy, policy responses.

JEL Code: E20

1. Giới thiệu

Đại dịch Covid-19 đã và đang có những ảnh hưởng hết sức trầm trọng đến tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới theo những cách thức mà chúng ta chưa từng biết đến, chưa từng có tiền lệ.

Trên phương diện kinh tế, những giải pháp mà Chính phủ các quốc gia áp dụng cũng như những hao phí nguồn lực để kiểm soát dịch bệnh và những kỳ vọng tiêu cực trong các nền kinh tế gây ra những tổn thất hết sức to lớn. Chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, phân mảnh trầm trọng. Hoạt động kinh tế gần như tê liệt hoàn toàn, đặc biệt với các nền kinh tế có độ mở cao. Nền kinh tế của các quốc gia rơi vào trạng thái suy thoái trầm trọng, thậm chí có thể lớn hơn gấp nhiều lần so với cuộc khủng hoảng năm 2008.

Khi nào đại dịch được kiểm soát và cần bao lâu để khắc phục những tác động tiêu cực của nó hoàn toàn phụ thuộc vào diễn biến của tình hình dịch bệnh và không thể dự báo trước. Đồng thời, việc một quốc gia kiểm soát được dịch bệnh cũng không cho phép nền kinh tế của quốc gia đó có thể phục hồi khi mà dịch bệnh vẫn diễn ra ở các quốc gia khác và họ vẫn áp dụng các biện pháp kiểm soát, đặc biệt trong bối cảnh mà các nền kinh tế trên thế giới liên kết chặt chẽ với nhau.

Nghiên cứu thực nghiệm này của chúng tôi được xây dựng với mục tiêu dự phóng một số các kịch bản tác động của đại dịch đến nền kinh tế Việt Nam, tổng kết kinh nghiệm chính sách của các quốc gia trên thế giới để từ đó đưa ra một số các khuyến nghị căn bản nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của đại dịch đến nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn trước mắt cũng như đảm bảo tính bền vững trong dài hạn. Nghiên cứu này được kết cấu thành 3 phần: (i) Tác động của đại dịch đến các nền kinh tế trên thế giới và phản ứng chính sách; (ii) Tác động của đại dịch đến nền kinh tế Việt Nam; và (iii) Các khuyến nghị chính sách.

2. Tác động đến kinh tế thế giới và các phản ứng chính sách

2.1. Tác động của đại dịch COVID-19 đến các nền kinh tế trên thế giới

Đại dịch COVID-19 tác động đồng thời tới toàn bộ các nền kinh tế nhưng theo các cơ chế khác nhau cả về phía cung và phía cầu. Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc rất nhiều vào cấu trúc của mỗi nền kinh tế

cũng như sự liên kết của nền kinh tế đó với phần còn lại của thế giới (Baldwin và Mauro, 2020; Correia, Luck và Verner, 2020).

2.1.1. Về phía cung

Biện pháp chống dịch được các quốc gia sử dụng phổ biến là cách ly và tạo khoảng cách xã hội khiến nguồn cung lao động giảm mạnh, đặc biệt trong những khu vực đòi hỏi sự tham trực tiếp của lao động vào quá trình sản xuất. Ngoài ra, với những vùng tâm dịch, việc đóng cửa những hoạt động không thiết yếu, thực thi những quy tắc hạn chế đi lại, khiến cho nhiều hoạt động sản xuất bị ngưng trệ. Với việc hoạt động sản xuất được thiết kế dựa trên chuỗi cung ứng toàn cầu, sự đứt gãy trong sản xuất đầu vào tại một quốc gia sẽ dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực tới quá trình sản xuất tiếp theo tại quốc gia khác.

Trong bối cảnh hiện nay, dù Trung Quốc đã kiểm soát được dịch bệnh, dần khôi phục hoạt động sản xuất trong nước, nhưng EU và Mỹ đang là tâm dịch, sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu là điều không thể tránh khỏi, do vai trò của Mỹ và Châu Âu trong chuỗi là vô cùng quan trọng.

Một điểm tích cực là ảnh hưởng bất lợi tới phía cung sẽ dịu bớt khi tình hình dịch bệnh tại các quốc gia được kiểm soát. Nếu xét theo thực tiễn của Trung Quốc, nhiều chuyên gia cho rằng hoạt động sản xuất có thể dần được hồi phục từ quý 2 năm 2020. Tuy nhiên, cũng tồn tại một số quan điểm bi quan, cho rằng dịch bệnh khó có thể được kiểm soát một cách triệt để trên bình diện rộng, và hoạt động sản xuất có thể rơi vào trạng thái “tắt/bật” (on/off) trước những diễn tiến cụ thể của tình hình dịch bệnh.

2.1.2. Về phía cầu

Nếu như ảnh hưởng của dịch COVID-19 tới phía cung có thể được kiểm soát theo tình hình của dịch bệnh, thì những tác động tới phía cầu được xem là khó dự đoán.

+ Tác động trực tiếp: khi người dân được khuyến cáo hạn chế ra ngoài, lượng người mua hàng tại các cửa hàng và trung tâm thương mại giảm đột ngột, khiến cầu có thể biến mất khỏi thị trường. Dẫn cho hoạt động thương mại điện tử có thể phần nào khắc phục hiện tượng trên, những ảnh hưởng của hạn chế đi lại tới nhu cầu là rất lớn. Ngoài ra, với việc hoạt động sản xuất ngưng trệ, các doanh nghiệp có thể tạm thời ngừng hoạt động, người lao động có thể bị ngưng việc hay thậm chí rơi vào trạng thái thất nghiệp. Sự mất mát trong thu nhập sẽ khiến cho cầu

của đối tượng này giảm mạnh. Ảnh hưởng kể trên sẽ đặc biệt nghiêm trọng đối với những người nằm ngoài vùng phủ của bảo hiểm thất nghiệp. Hơn nữa, với sự lao dốc của thị trường chứng khoán, giá trị tài sản của các hộ gia đình giảm mạnh, qua đó ảnh hưởng tiêu cực tới cầu tiêu dùng. Trong khoảng thời gian 1 tháng qua, các chỉ số chứng khoán của những thị trường trọng yếu như Mỹ, EU, Nhật đã giảm khoảng 30%.

+ Tác động gián tiếp: ảnh hưởng của dịch COVID-19 tới tâm lý của tác nhân kinh tế là rất tiêu cực, khiến cho họ có trạng thái tâm lý trì hoãn tiêu dùng và đầu tư (hiện tượng này được bộc lộ rõ trong cuộc suy thoái kinh tế 2007-2009). Điều đáng lo ngại là những khó khăn của khu vực kinh tế thực có thể sẽ lây nhiễm sang khu vực tài chính. Sự phá sản của các doanh nghiệp có thể tạo ra khủng hoảng nợ, là tiền đề cho những đổ vỡ trong hệ thống tài chính của các quốc gia. Tuy nhiên, sau bài học từ khủng hoảng tài chính 2007-2009, các quy định về an toàn tài chính ở các quốc gia đã được siết chặt, cộng với những cam kết mạnh về đảm bảo thanh khoản của các ngân hàng trung ương, trong ngắn hạn, rủi ro khủng hoảng tài chính được đánh giá là không quá đáng ngại.

2.1.3. Một số dự báo về tác động của dịch COVID-19 tới các nền kinh tế

Các dự báo của các tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch là tương đối tiêu cực. Kinh tế toàn cầu có thể thiệt hại khoảng 1000-2000 tỷ USD trong năm 2020, tăng trưởng giảm từ 0,5 đến 1,5% tùy kịch bản (UNCTAD, 2020; ADB, 2020, IMF, 2020). Tuy nhiên, các dự báo này mới chỉ sử dụng các số liệu từ đầu tháng 03 trở về trước khi mà đại dịch chưa thực sự bùng phát ở Châu Âu và Mỹ, trong khi hiện tại, Châu Âu và Mỹ đang trong thời kỳ cao điểm của dịch bệnh, và được đánh giá là sẽ đối mặt với sự sụt giảm mạnh trong GDP của quý 2.

Sự hồi phục bước đầu của Trung Quốc, cùng với việc Hàn Quốc đang dần kiểm soát tốt dịch bệnh lại là những tín hiệu tích cực ban đầu đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Từ những biến đổi này của tình hình dịch bệnh, các tổ chức cũng có những thay đổi căn bản trong dự báo. Deutsche Bank (2020) đưa ra dự báo: (i) Kịch bản cơ sở: Trung Quốc có thể đạt được tăng trưởng 1% trong năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 6,1% trước khi có dịch. Các nước Mỹ, Nhật và EU được dự đoán là sẽ rơi

vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng lần lượt là -1%, -2,7% và -3,5%. (ii) Kịch bản xấu: Trung Quốc sẽ đối mặt với tăng trưởng âm là -1% trong năm 2020. Các nước Mỹ, Nhật và EU sẽ thực sự lún sâu vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng lần lượt là -3%, -3,6% và -5,5%. Tạp chí The Economist cũng đưa ra những dự báo rất bi quan về tăng trưởng tại các nước G20. GDP toàn cầu năm 2020 sẽ giảm 2,2%. Trong số 20 nền kinh tế lớn nhất, chỉ 3 nước được dự đoán là duy trì được tăng trưởng dương là Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia.

Công ty McKinsey (2020) đưa ra những dự báo về kinh tế toàn cầu dựa trên một số kịch bản của dịch, với giả định phản ứng chính sách của các quốc gia là thành công trong việc xử lý các thiệt hại kinh tế, không để xảy ra khủng hoảng hệ thống tài chính.

Kịch bản 1: Các quốc gia nhanh chóng và hiệu quả kiểm soát dịch trong khoảng 2-3 tháng: (i) Cả Trung Quốc, Mỹ, EU đều tăng trưởng âm trong năm 2020; (ii) Các quốc gia sẽ bắt đầu hồi phục về trạng thái trước khủng hoảng (quý 4 năm 2019) bắt đầu từ quý 3 năm 2020.

Kịch bản 2: Hệ thống y tế ban đầu thành công trong việc chống dịch, nhưng sau đó không đủ hiệu quả để ứng phó với sự bùng phát trở lại của dịch theo khu vực, do đó chính sách giữ khoảng cách xã hội được duy trì trong nhiều tháng: (i) Các quốc gia và khu vực sẽ rơi và suy thoái kinh tế sâu trong năm 2020; (ii) Trung Quốc sẽ phục hồi sớm nhất, vào quý 2 năm 2021. Mỹ và EU sẽ chỉ hồi phục về trạng thái trước khủng hoảng từ quý 1 năm 2023.

World Bank (2020) đưa ra dự báo rằng tăng trưởng của các nền kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương khoảng từ 2,1% đến suy thoái -0,5% trong năm 2020 tùy theo các kịch bản khác nhau. Tuy nhiên các nền kinh tế này sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021.

Hầu hết các dự báo đều đưa ra nhận định rằng Mỹ và EU sẽ rơi vào trong trạng thái suy thoái kinh tế nặng nề trong năm 2020. Ảnh hưởng của đại dịch tới các nền kinh tế lớn của châu Á như Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc được đánh giá là ít tiêu cực hơn, do thành công trong việc kiểm soát dịch.

2.2. Phản ứng chính sách hiện nay của các quốc gia

Nhận thức chung của các quốc gia là COVID-19 có tác động vô cùng lớn tới nền kinh tế, đòi hỏi những phản ứng chính sách nhanh và quyết liệt để khắc phục. Với việc áp dụng chính sách cô lập và

Bảng 1. Phản ứng chính sách của một số quốc gia

STT	Quốc gia	Chính sách tài khóa	Chính sách tiền tệ
1	Trung Quốc	<input type="checkbox"/> Gói kích thích tài khóa khoảng 1,3 nghìn tỷ RMB được thông qua, bao gồm những giải pháp chính: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tăng chi tiêu cho công tác chống và kiểm soát dịch; ✓ Sản xuất trang thiết bị y tế; ✓ Đẩy nhanh việc giải ngân bảo hiểm thất nghiệp ✓ Giảm thuế và miễn đóng bảo hiểm xã hội 	<input type="checkbox"/> Cắt giảm 1% tỷ lệ dự trữ bắt buộc <ul style="list-style-type: none"> □ Gói tái cấp vốn 800 tỷ RMB để các ngân hàng cho các tập đoàn lớn vay □ Yêu cầu các tổ chức tài chính gia hạn đối với các khoản vay dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
2	Hàn Quốc	<input type="checkbox"/> 9,4 tỷ USD ngân sách bổ sung để chống dịch <ul style="list-style-type: none"> □ Gói hỗ trợ 38 tỷ USD cho doanh nghiệp nhỏ 	<input type="checkbox"/> Giảm lãi suất liên ngân hàng xuống 0,25%
3	Nhật	<input type="checkbox"/> Dành 1,8%-2,7% GDP ngân sách bổ sung để hỗ trợ người lao động, cho vay doanh nghiệp nhỏ, và hỗ trợ tiền mặt cho người dân	<input type="checkbox"/> Giảm lãi suất cho vay đối với các tập đoàn chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh <ul style="list-style-type: none"> □ 700 tỷ JPY chương trình mua trái phiếu
4	Mỹ	<input type="checkbox"/> Dành 2,2 nghìn tỷ USD để kích thích kinh tế <ul style="list-style-type: none"> □ 105 tỷ USD để đẩy mạnh công tác chống dịch, hỗ trợ người dân khám và điều trị bệnh do COVID-19 □ Mở khóa quỹ quốc gia 50 tỷ USD để sử dụng ứng phó với thảm họa quốc gia □ 8,3 tỷ USD chỉ cho y tế 	<input type="checkbox"/> Giảm lãi suất xuống còn 0%-0,25% <ul style="list-style-type: none"> □ Gói 700 tỷ USD mua tài sản (500 tỷ mua trái phiếu, 200 tỷ mua chứng khoán được đảm bảo) □ Chương trình nói lỏng định lượng không giới hạn
5	Anh	<input type="checkbox"/> Gói 330 tỷ GBP (15% GDP) cho vay đảm bảo <ul style="list-style-type: none"> □ Gói 27 tỷ GBP giảm thuế cho doanh nghiệp □ 7 tỷ GBP chi tiêu khẩn cấp hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ gia đình □ 5 tỷ cho công tác chống dịch 	<input type="checkbox"/> 200 tỷ GBP mua trái phiếu doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> □ Giảm lãi suất 0,65% □ Nhiều chương trình hỗ trợ tín dụng
6	Đức	<input type="checkbox"/> Gói kích thích tài khóa khoảng 1% GDP <ul style="list-style-type: none"> □ 25 tỷ EUR cho Ủy ban Châu Âu để ứng phó với dịch bệnh □ 460 tỷ EUR để đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp, thông qua bảo lãnh nhà nước, nước lỏng điều kiện tiếp cận tín dụng 	<input type="checkbox"/> Theo chính sách tiền tệ chung của Ngân hàng Trung ương Châu Âu: <ul style="list-style-type: none"> ✓ 750 tỷ EUR chương trình mua trái phiếu ✓ 120 tỷ EUR chương trình mua tài sản
7	Pháp	<input type="checkbox"/> Gói 45 tỷ EUR (1,9% GDP) chi tiêu khẩn cấp	
8	Ý	<input type="checkbox"/> Gói 1,5 tỷ EUR cho chống dịch <ul style="list-style-type: none"> □ Gói kích thích kinh tế 25 tỷ EUR 	
9	Tây Ban Nha	<input type="checkbox"/> Gói 17 tỷ EUR chi tiêu công <ul style="list-style-type: none"> □ Gói 100 tỷ EUR vay do nhà nước bảo đảm 	
10	Thái Lan	<input type="checkbox"/> Gói 518 tỷ THB (3% GDP) cho: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Chi cho hoạt động y tế ✓ Phát tiền và cho vay đối với 3 triệu người lao động ngoài hệ thống an sinh xã hội ✓ Giảm thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ 	<input type="checkbox"/> Giảm lãi suất từ 1,25% xuống 0,75% <ul style="list-style-type: none"> □ Chương trình hỗ trợ vay vốn lưu động để các doanh nghiệp duy trì hoạt động □ Nói lỏng các điều kiện trả nợ, cơ cấu lại nợ
11	Indonesia	<input type="checkbox"/> Gói tài khóa 33,3 nghìn tỷ IDR (0,2% GDP): <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hỗ trợ ngành du lịch ✓ Hỗ trợ các hộ gia đình thu nhập thấp ✓ Miễn thuế thu nhập cho người lao động trong các ngành công nghiệp 	<input type="checkbox"/> Giảm lãi suất từ 5% xuống 4,5% <ul style="list-style-type: none"> □ Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
12	Malaysia	<input type="checkbox"/> Gói tài khóa 6 tỷ MYR (0,4% GDP): <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tăng chi tiêu cho trang bị y tế ✓ Miễn thuế tạm thời ✓ Hỗ trợ tiền mặt ✓ Đầu tư cho hạ tầng 	<input type="checkbox"/> Giảm lãi suất từ 2,75% xuống 2,5% <ul style="list-style-type: none"> □ Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 3% xuống 2% □ 3,3 tỷ MYR hỗ trợ cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ □ Nói lỏng các quy định giám sát với ngân hàng thương mại

Nguồn: Tổng hợp của IMF (2020) và nhóm nghiên cứu.

cách ly để kiểm soát dịch, các chính sách kinh tế vĩ mô sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo những mục tiêu sau: (i) Đảm bảo nhân lực, vật lực cho công tác chống dịch; (ii) Đảm bảo những nhu cầu thiết yếu cho đời sống của người dân; (iii) Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ - đối tượng có tiềm lực tài chính hạn chế, dễ tổn thương do hoạt động sản xuất bị ngưng trệ; (iv) Duy trì tính thanh khoản của hệ thống tài chính; (v) Hỗ trợ một số ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách kiểm soát dịch bệnh như hàng không, du lịch, bán lẻ, v.v.

Bảng 1 tổng hợp sơ bộ về phản ứng chính sách, gói hỗ trợ của các quốc gia hiện nay.

2.3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua rà soát tác động của đại dịch đến nền kinh tế cũng như phản ứng chính sách của các quốc gia, một số các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam được đúc kết lại như sau:

Ưu tiên cao nhất cho hoạt động chống dịch: Trong bối cảnh dịch COVID-19, mỗi đồng chi tiêu cho công tác chống dịch đều có thể mang lại ngoại ứng tích cực vô cùng lớn. Sự thành công trong kiểm soát dịch là điều kiện căn bản để hồi phục các hoạt động kinh tế.

Sử dụng nguồn lực tài khóa để trực tiếp ổn định

đời sống của người dân: Tác động của dịch bệnh và các biện pháp chống dịch là sự đình trệ trong sản xuất và sinh hoạt của người dân. Do vậy, một số quốc gia sử dụng hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền trong giai đoạn cao điểm chống dịch để giúp người dân đảm bảo những nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ duy trì khả năng thanh toán, hỗ trợ trả lương cho người lao động do ngưng việc cũng được nhiều nước áp dụng.

Các nước đang phát triển gặp phải nhiều giới hạn trong lựa chọn chính sách: Với quy mô kinh tế nhỏ và nguồn lực tài khóa hạn hẹp, các quốc gia đang phát triển khó có thể triển khai sâu rộng chính sách hỗ trợ người lao động, các doanh nghiệp nhỏ chịu ảnh hưởng từ đại dịch. Ngoài ra, những người lao động nằm ngoài vùng phủ của bảo hiểm thất nghiệp, vốn chiếm tỷ lệ lớn tại các quốc gia này, sẽ khó có thể nhận được sự hỗ trợ hiệu quả. Trong tình huống khẩn cấp, sự vận hành của các ngân hàng thực phẩm có thể xem là một giải pháp giảm nhẹ thích hợp.

Chính sách tiền tệ là công cụ hỗ trợ, ngăn ngừa đổ vỡ tài chính trong ngắn hạn: Chính sách tiền tệ với đặc điểm là có độ trễ lớn, do đó sẽ chỉ phát huy tác dụng kích thích kinh tế khi quốc gia bắt đầu kiểm soát được dịch, bắt đầu quá trình hồi phục. Vì thế, trong giai đoạn hiện nay vai trò chủ yếu của chính sách tiền tệ là đảm bảo hệ thống tài chính vận hành thông suốt, duy trì khả năng thanh khoản của các tổ chức tài chính, hỗ trợ khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

3. Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam

3.1. Các kịch bản đại dịch COVID-19 tại Việt Nam

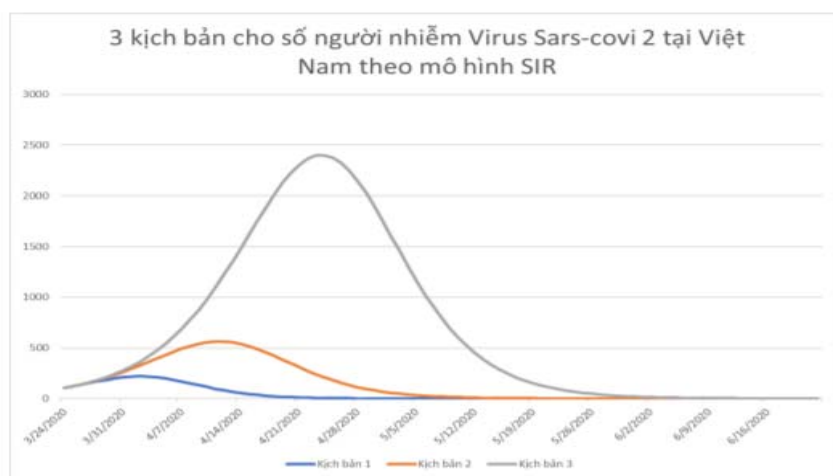
Nếu chỉ căn cứ trên các số liệu căn bản về số lượng ca nhiễm, số lượng người phải cách ly ở Việt Nam trong thời gian đến ngày 27/03, chúng tôi sử dụng 3 mô hình định lượng nhằm xây dựng các kịch bản về tình hình dịch số lượng ca nhiễm của Việt Nam trong thời gian tới – ARIMA, EWMV và SIR. Kết quả từ các mô hình cho thấy các kịch bản từ thấp đến cao (các kịch bản 1, 2 và 3 trong Hình 1) tương ứng với thời gian đại dịch COVID-19 kéo dài đến hết cuối tháng 4; cuối tháng 5 và cuối tháng 6 năm 2020.

3.2. Tác động đến tăng trưởng và một số lĩnh vực của nền kinh tế

Cho đến nay đã có một số tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước dự báo về tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, các dự báo này đều dựa trên tình hình dịch từ đầu tháng 03 trở về trước khi mà Châu Âu và Mỹ chưa chịu tác động nặng nề như hiện nay.

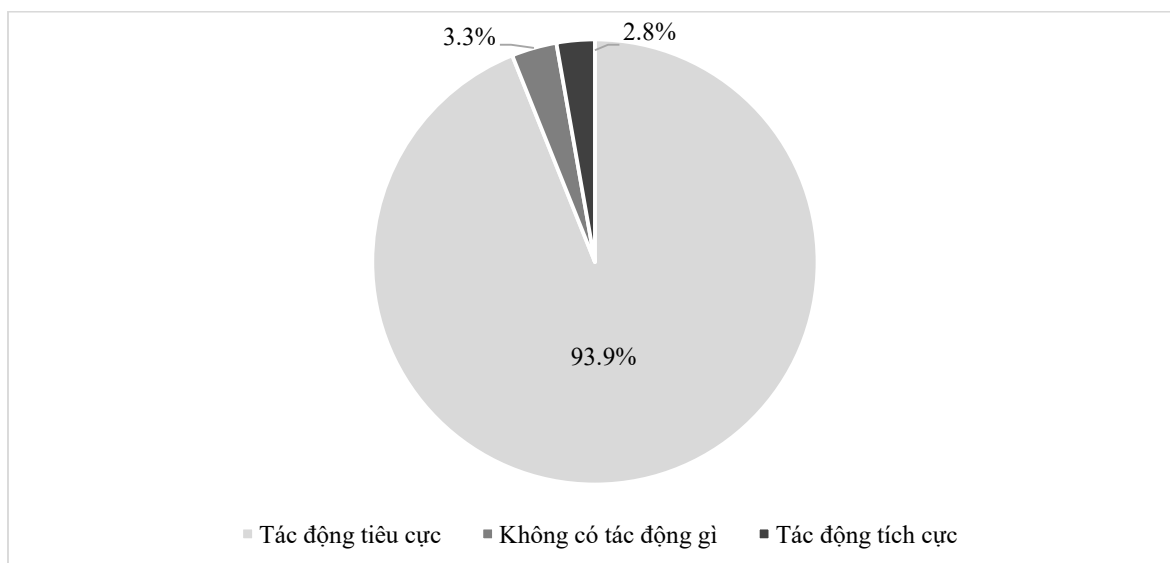
Bloomberg (2020) dự báo tăng trưởng của Việt Nam giảm 0,4 % (số liệu đến tháng 02), ADB (2020) cho rằng tăng trưởng giảm 0,5 – 1% và kịch bản xấu có thể giảm đến 1,5% (Báo cáo ngày 10/03). Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020) dự báo tăng trưởng có thể giảm từ 0,67 đến 0,96%, lạm phát trong khoảng 3,96% - 4,86%, xuất khẩu giảm 21%, nhập khẩu giảm 16%, ngành nông nghiệp giảm 0,11%; ngành công nghiệp giảm 0,24%; ngành dịch vụ giảm

Hình 1. Dự báo các kịch bản dịch tại Việt Nam



Nguồn: Dự báo của nhóm nghiên cứu.

Hình 2. Tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động của các doanh nghiệp



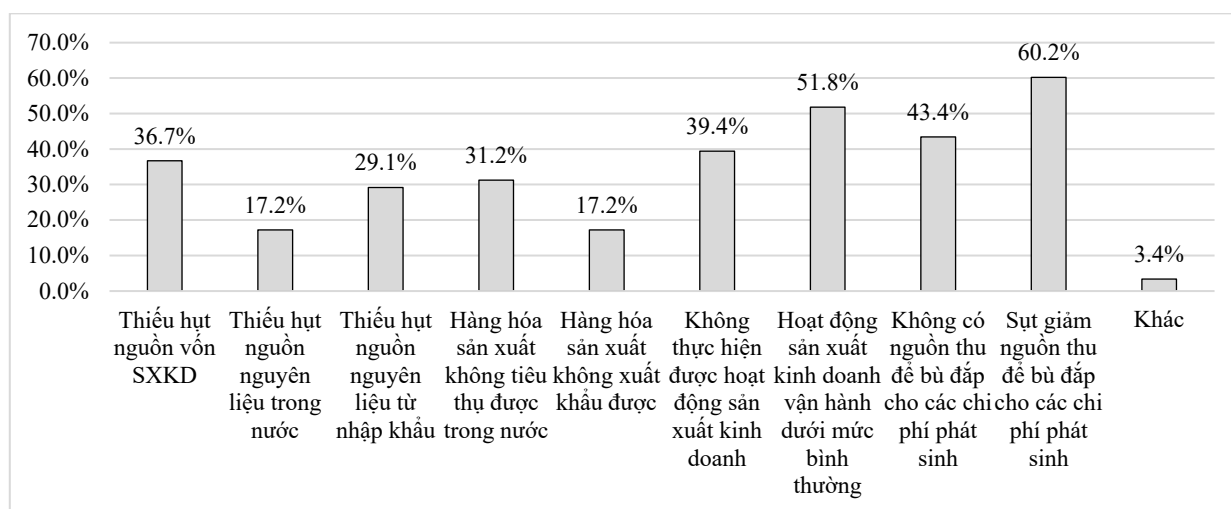
Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

0,32% (Báo cáo ngày 04/02 và 10/02). Ngân hàng Nhà nước (2020) dự báo lạm phát của Việt Nam thay đổi trong khoảng 4,5% +/- 0,4% (Báo cáo ngày 12/03). Nhóm nghiên cứu thực hiện Ấn phẩm *Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2019* của Đại học Kinh tế Quốc dân (Trần Thọ Đạt và Tô Trung Thành, 2020) dự báo tăng trưởng giảm từ 0,6 đến 0,8% (số liệu đến ngày 07/03). Trong báo cáo gần nhất (ngày 31/03/2020), World Bank (2020) dự báo rằng kinh tế Việt Nam năm 2020 là khoảng 1,5% đến 4,9% tùy kịch bản. Tuy nhiên, tăng trưởng sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021.

Chúng tôi cho rằng với sự thay đổi của tâm dịch từ phía Trung Quốc sang các nước Châu Âu, Mỹ và lan rộng sang các khu vực khác, tác động đến nền kinh tế Việt Nam sẽ mạnh hơn và thay đổi về cơ chế tác động từ phía đứt gãy nguồn cung ứng đầu vào sang chủ yếu là phía cầu.

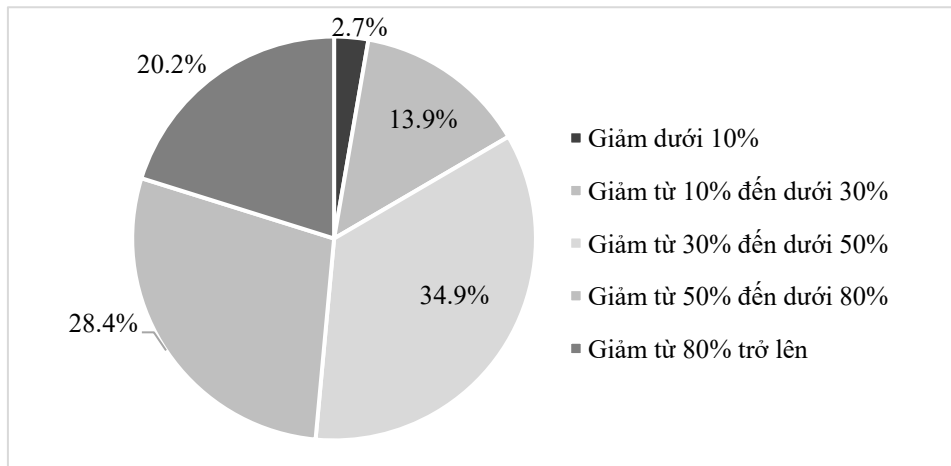
Dựa trên cơ sở các kịch bản về số ca nhiễm và cách ly tại Việt Nam, chúng tôi tiến hành xây dựng một số mô hình định lượng nhằm dự báo sơ bộ tác động của đại dịch đến nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn sắp tới. Kết quả dự báo của các mô hình

Hình 3. Các khó khăn doanh nghiệp gặp phải do ảnh hưởng của dịch Covid-19



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

Hình 4. Ước tính của các doanh nghiệp về giảm sút doanh thu do ảnh hưởng của Covid-19



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

này cho thấy: (i) Tăng trưởng GDP quý 2 của Việt Nam khoảng 2,0 % so với cùng kỳ và thậm chí suy thoái nếu xảy ra kịch bản xấu. Dự kiến phục hồi từ quý 3 năm 2020; (ii) Vnindex giảm khoảng 28% phục hồi ngay sau khi dịch được khống chế với mức xấp xỉ 20%; (iii) Xuất khẩu giảm khoảng 25% trong quý 2 và phục hồi về mức giảm 15% trong các quý sau của năm 2020.

3.3. Tác động đến khu vực doanh nghiệp

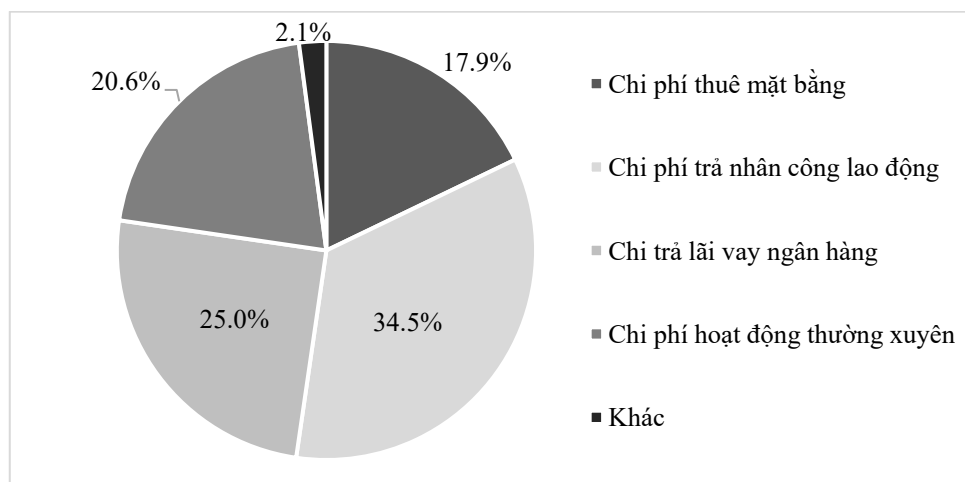
Bên cạnh các số liệu thống kê chính thức, để có thể thấy rõ hơn tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của 510

doanh nghiệp (tính đến ngày 01/04/2020).

Mẫu doanh nghiệp này bao gồm 92,6% doanh nghiệp ngoài nhà nước, 6,08% doanh nghiệp FDI và 1,76% doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, các doanh nghiệp thuộc ngành dịch vụ chiếm 65,1%, công nghiệp và xây dựng 29,8% và nông nghiệp 5,1%. 69,3% các doanh nghiệp tại Hà Nội, 12,2% tại Thành phố Hồ Chí Minh và 18,5% tại các địa phương khác. Trong số này có 61,56% doanh nghiệp có quy mô lao động dưới 50 người và 82,74% doanh nghiệp dưới 200 người.

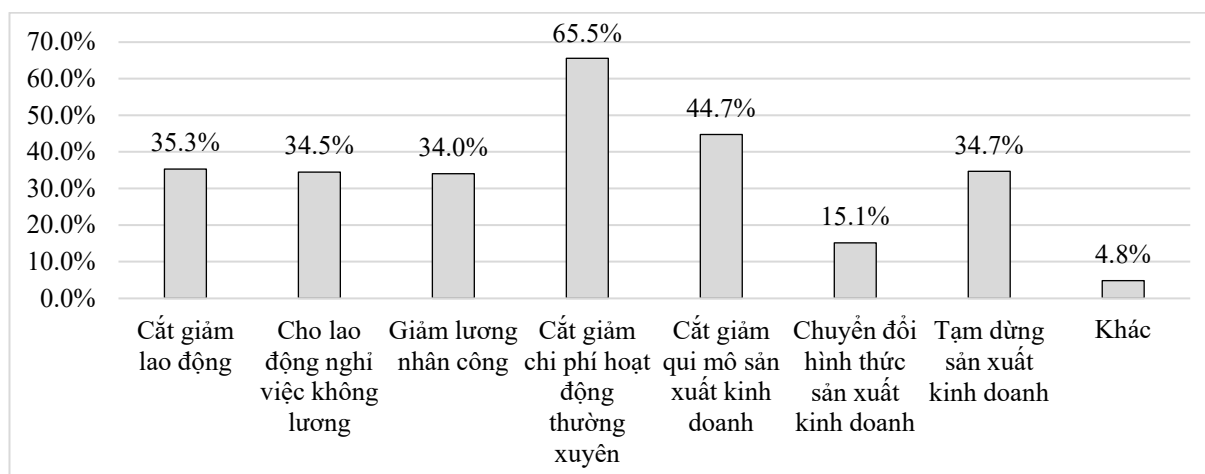
Kết quả nghiên cứu số liệu báo cáo của các cơ quan quản lý Nhà nước và kết quả khảo sát doanh

Hình 5. Gánh nặng lớn nhất của doanh nghiệp dưới tác động của dịch Covid-19



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

Hình 6. Các giải pháp doanh nghiệp ứng phó với ảnh hưởng của dịch bệnh.



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

nghiệp của Đại học Kinh tế Quốc dân cho thấy, cho đến thời điểm hiện tại, tác động của COVID-19 đến khu vực doanh nghiệp đã bắt đầu bộc lộ một cách rõ ràng trong tất cả các ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 93,9% các doanh nghiệp điều tra đánh giá dịch Covid-19 có tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

Các tác động này thể hiện rõ nhất ở các khía cạnh:

3.3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng

Dịch bệnh đã làm cho các doanh nghiệp cùng một lúc phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Khảo sát 5 khó khăn lớn nhất mà các doanh nghiệp gặp phải cho thấy nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với việc sụt giảm nguồn thu để bù đắp cho các chi phí khác (60,2%); hay hoạt động dưới mức bình thường (51,8%). Bên cạnh đó, 43,4% không có nguồn thu; 39,4% không thực hiện được hoạt động. Ngoài ra, 31,2% doanh nghiệp trả lời do hàng hóa sản xuất không tiêu thụ được trong nước; 17,20% không xuất khẩu được. Các vấn đề về thiếu hụt vốn (36,7%), thiếu hụt nguyên liệu sản xuất cũng là một khó khăn lớn, đặc biệt nguồn nguyên liệu từ nhập khẩu (29,1%).

Sụt giảm doanh thu đang là khó khăn lớn nhất. Cụ thể, 20,2% cho rằng doanh thu sụt giảm từ 80% trở lên; 28,4% bị sụt giảm từ 50% đến 80%; 34,9% sụt giảm từ 30% đến 50%; 13,9% sụt giảm từ 10% đến 30%; và chỉ có 2,7% sụt giảm dưới 10% doanh thu.

Bên cạnh đó các doanh nghiệp vẫn phải gánh

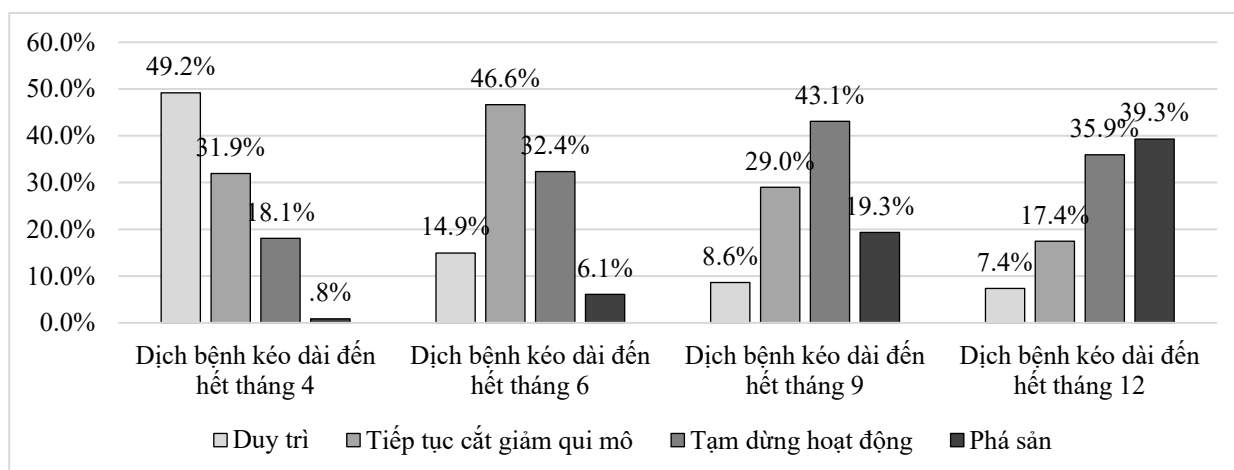
chịu nhiều khoản chi phí lớn. Kết quả khảo sát cho thấy, chi phí nhân công đang là gánh nặng lớn nhất của 34,5% doanh nghiệp dưới tác động của dịch Covid-19. Tiếp theo là khoản chi trả lãi vay ngân hàng (25,0%), chi phí hoạt động thường xuyên (20,6%), chi phí thuê mặt bằng (17,9%).

3.3.2. Số lượng, quy mô doanh nghiệp suy giảm cùng với đó là lao động mất việc làm và thất nghiệp gia tăng

Trong 2 tháng đầu năm có 16.151 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 19,5% so với cùng kỳ. 2.807 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Đây là tháng đầu tiên hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ghi nhận những tác động của dịch COVID-19. Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp cũng bị thu hẹp. Tính đến 20 tháng 3 năm 2020, đã có trên 15% số doanh nghiệp phải cắt giảm quy mô sản xuất (tháng 2 năm 2020 là 10%) (Trung tâm WTO, 2020).

Nếu ước tính số lao động bình quân 1 doanh nghiệp khoảng 25 người thì trong 2 tháng đã có khoảng 400 nghìn lao động bị ảnh hưởng do các doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. Ước tính số lao động bị giảm giờ làm hoặc mất việc làm khoảng 440.000-880.000 người. Nếu dịch bùng phát, số lao động bị giảm giờ làm hoặc bị mất việc làm khoảng 880.000-1,32 triệu người. Thống kê trong tháng 2 năm 2020 đã cho thấy, số người thất nghiệp nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp là trên 47.000 người, tăng 60% so với tháng 1 tháng 2020 và tăng 70% so với cùng kỳ năm ngoái (gần 28.000 người) (Trung tâm WTO, 2020).

Hình 7. Phản ứng của các doanh nghiệp với các kịch bản dịch Covid-19



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

Kết quả khảo sát cho thấy, để đối phó với những khó khăn do tác động của đại dịch, các doanh nghiệp đã có các giải pháp cụ thể. 65,5% cắt giảm chi phí hoạt động thường xuyên; 35,3% cắt giảm lao động; 34,0% cắt giảm lương và 34,5% đã phải cho lao động nghỉ không lương; 44,7% cắt giảm qui mô sản xuất kinh doanh; 34,7% tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh để chờ qua thời kỳ khó khăn và 15,1% thực hiện chuyển đổi hình thức sản xuất kinh doanh cho phù hợp với bối cảnh mới.

Mặc dù các doanh nghiệp đã có nhiều hành động nhằm đối phó với ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 nhưng nếu dịch bệnh tiếp tục lan rộng và kéo dài, nhiều nguy cơ xấu có thể xảy ra. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, dịch bệnh càng kéo dài, khả năng phá sản của các doanh nghiệp càng cao. Cụ thể, nếu kéo dài đến hết tháng 4 năm 2020, 49,2% doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh; 31,9% cắt giảm qui mô sản xuất; có 18,1% phải tạm dừng hoạt động; và 0,8% có khả năng phá sản. Tuy nhiên, nếu đến hết tháng 6 năm 2020, tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn khi chỉ còn 14,9% duy trì được hoạt động; 46,6% tiếp tục cắt giảm qui mô; 32,4% sẽ tạm dừng hoạt động và 6,1% đứng trên bờ vực phá sản. Tỷ lệ doanh nghiệp có khả năng phá sản sẽ tăng cao, đến mức 19,3% nếu kéo dài đến hết tháng 9/2020 và 39,3% nếu dịch kéo dài đến hết năm.

3.3.3. Phản hồi của các doanh nghiệp về tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ

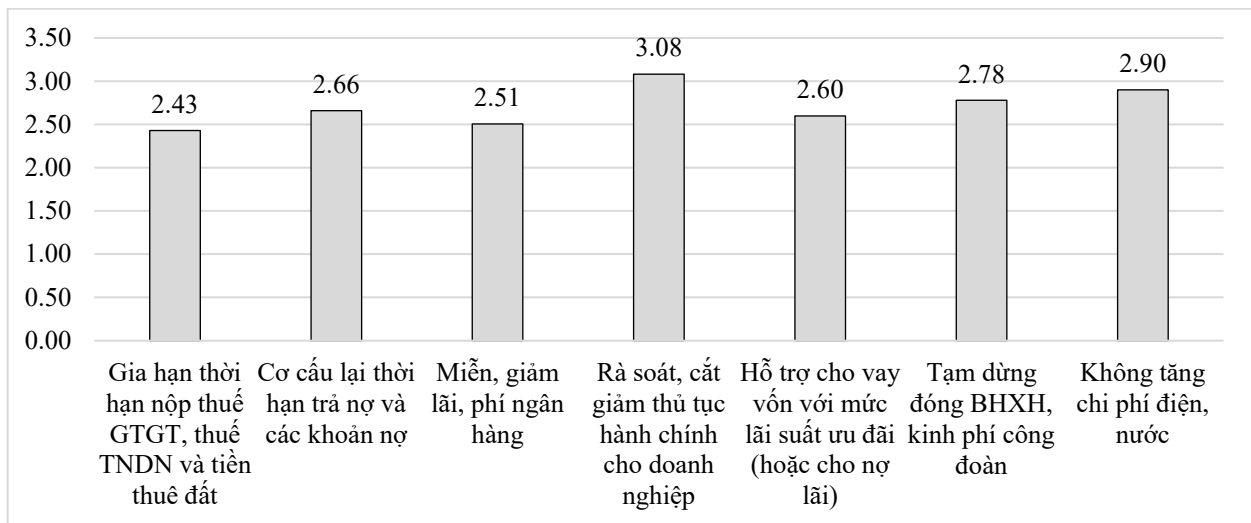
Trong nỗ lực giải cứu các doanh nghiệp và người lao động khỏi những tác động tiêu cực của dịch

bệnh, Thủ tướng Chính phủ (2020) đã ban hành chỉ thị về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Trên tinh thần Chỉ thị trên, các Bộ, ban, ngành đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể trong từng lĩnh vực mà mình phụ trách. Cho đến cuối tháng 3 năm 2020, nhiều chính sách hỗ trợ đã được ban hành. Trong thời gian tới, một số dự thảo Nghị định, đề án... sẽ sớm được thông qua và có hiệu lực. Trên cơ sở tổng hợp các giải pháp, chính sách mà Chính phủ đã và sẽ ban hành, chúng tôi đã đề nghị các doanh nghiệp xếp hạng mức độ cần thiết của từng chính sách nhằm khắc phục những khó khăn do Covid-19 gây ra (với 1 điểm là cần thiết nhất).

Các chính sách được các doanh nghiệp đánh giá cao là cần thiết tiếp theo lần lượt là miễn, giảm lãi phí ngân hàng (2,51 điểm); hỗ trợ cho vay vốn với mức lãi suất ưu đãi (2,6 điểm); và cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các khoản nợ (2,66 điểm). Các chính sách còn lại, bao gồm: tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn (2,78 điểm), không tăng chi phí điện, nước (2,9 điểm) và rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp (3,08 điểm).

Nhìn chung, các chính sách ở trên đều được các doanh nghiệp đánh giá cao vì điểm trung bình về mức độ cần thiết của từng chính sách đều thấp hơn mức trung bình chung là 3,5. Tuy nhiên, dường như chưa có chính sách nào vượt trội hơn cả nhằm đáp ứng nhu cầu của số đông doanh nghiệp do không có chính sách nào đạt số điểm trung bình dưới 2.

Hình 8. Phản hồi của doanh nghiệp về các giải pháp hỗ trợ quan trọng nhất



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu.

3.3.4. Đề xuất hỗ trợ bổ sung của các doanh nghiệp

Khảo sát của chúng tôi về ý kiến của các doanh nghiệp về các giải pháp hỗ trợ bổ sung khác cho thấy bên cạnh các giải pháp đã tổng kết ở trên, các doanh nghiệp đề xuất tập trung một số nội dung sau: (i) Tập trung việc nhanh chóng kiểm soát dịch bệnh; (ii) Giảm thuế, miễn thuế, chi phí thuê mặt bằng thay vì chỉ là giãn, tạm hoãn; (iii) Nhanh chóng triển khai các chính sách hỗ trợ đã ban hành; (iv) Có giải pháp bình ổn giá nguyên vật liệu; (v) Giảm giá các đầu vào thiết yếu cho doanh nghiệp như điện, xăng dầu; (vi) Tạm dừng thu phí cơ sở hạ tầng; (vii) Ngừng các hoạt động thanh tra kiểm tra trong thời gian này; (viii) Ổn định lạm phát.

4. Các khuyến nghị chính sách

4.1. Quan điểm

Thứ nhất, kinh tế Việt Nam đang đứng trước một đợt suy giảm lớn xuất phát từ một nguyên nhân phi kinh tế. Trong bối cảnh này, các chính sách điều hành vĩ mô có ảnh hưởng quan trọng tới sức đề kháng (khả năng chịu đựng) của nền kinh tế, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dịch bệnh. Đặc biệt, chúng sẽ quyết định nền kinh tế có khả năng phục hồi nhanh chóng hay không một khi bệnh dịch được kiểm soát.

Thứ hai, tác động của dịch bệnh tới các ngành kinh tế có sự khác biệt rất lớn. Một số ngành chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp có khả năng phá sản hàng loạt (hàng không, du lịch, dịch vụ).

Một số ngành vẫn có cơ hội phát triển tốt (nông sản, thực phẩm, dược phẩm,...). Do vậy, cần có sự lựa chọn hợp lý các chính sách cũng như đối tượng hỗ trợ.

Thứ ba, việc kích thích tổng cầu trong bối cảnh hiện nay hầu như không có tác dụng trong ngắn hạn bởi sức mua ở những ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp sẽ không thể tăng một khi bệnh dịch chưa được kiểm soát.

Thứ tư, tính chất của đại dịch COVID-19 lần này cho thấy việc dự báo tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong thời gian bao lâu là rất khó. Mức độ kết nối rất lớn của Việt Nam với chuỗi giá trị toàn cầu và các biện pháp cách ly xã hội do các nước áp dụng dẫn đến việc đại dịch nếu được kiểm soát ở Việt Nam cũng không thể làm cho nền kinh tế phục hồi ngay nếu nó vẫn tiếp diễn ở các quốc gia khác. Điều này đòi hỏi phải xây dựng nhiều kịch bản chính sách kinh tế khác nhau từ ngắn đến dài hạn nhằm ứng phó với tình hình dịch ở cả Việt Nam và ở các quốc gia khác trên thế giới.

4.1.1. Định hướng chính sách

Chúng tôi cho rằng việc ban hành các chính sách trong bối cảnh này cần đảm bảo các định hướng sau:

- + Ưu tiên chính sách nên hướng vào việc đảm bảo an ninh lương thực và phòng chống sự lây lan của bệnh dịch;

- + Các chính sách nhằm vào việc cải thiện khả năng thanh khoản, kéo dài khả năng chống đỡ của doanh nghiệp và đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt

quan tâm đến những khu vực dễ bị tổn thương như người lao động, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngắn hạn (đặc biệt tại những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất) nhưng đồng thời cũng cần tránh sự đổ vỡ của các doanh nghiệp lớn, đầu tàu để từ đó lan sang các khu vực khác;

+ Các chính sách kích thích tổng cầu chủ yếu thông qua tăng đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Tránh việc lạm dụng chính sách tiền tệ gây ra các bất ổn kinh tế vĩ mô trong dài hạn;

+ Hình thành rõ các gói chính sách hỗ trợ trong ngắn hạn và các gói chính sách giải cứu nền kinh tế trong dài hạn.

4.1.2. Cụ thể hoá định hướng

(1) Trong mọi trường hợp Việt Nam cần phải đảm an ninh lương thực, thực phẩm và các hàng hóa thiết yếu cho người dân. Mặc dù đây là những ngành ít chịu ảnh hưởng nhất nhưng các doanh nghiệp cung ứng các hàng hóa này cần phải được giám sát chặt chẽ và có biện pháp hỗ trợ cần thiết nếu cần để tránh không xảy ra đứt gãy trong sản xuất và cung ứng. Đây cần được coi là *giải pháp cấp bách* tại thời điểm này.

Bên cạnh đó, việc gia tăng sản xuất và cung ứng các thiết bị y tế như khẩu trang, máy trợ thở, thuốc men hay giường bệnh cũng cần được ưu tiên trong công tác phòng chống dịch bệnh.

(2) Việt Nam cần chủ động xây dựng các kịch bản chính sách kinh tế ứng phó khác nhau tùy theo thời gian kéo dài và mức độ nghiêm trọng của bệnh dịch. Các giải pháp chính sách đưa ra cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.

Nếu bệnh dịch trong nước có thể kiểm soát ngay trong tháng 4 hoặc cùng lắm đến hết quý 2 thì phản ứng chính sách nên mang tính “hỗ trợ”.

4.2. Chính sách hỗ trợ

+ Đối với những người lao động mất việc kéo dài, có thể tạm thời kéo dài thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Các hộ gia đình mất thu nhập lâu dài không có khả năng thích ứng cần được trợ cấp đủ để duy trì cuộc sống tối thiểu. Cần đặc biệt quan tâm đến đối tượng lao động tự do không thuộc diện bao phủ của bảo hiểm.

+ Đối với doanh nghiệp trực tiếp chịu ảnh hưởng: i) *Tiền tệ*: nói lỏng các điều kiện tín dụng, hoãn chi trả nợ, miễn lãi, giảm lãi, cho phép tái cơ cấu lại nợ để cải thiện tính thanh khoản và khả năng chịu đựng

của doanh nghiệp cho tới khi qua được khó khăn; ii) *Tài khóa*: hoãn thuế phí, miễn giảm thuế phí, hoãn hoặc miễn đóng bảo hiểm xã hội, v.v. Giai đoạn này nên ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa bởi khả năng chống chịu kém của loại hình doanh nghiệp này.

+ Có những hỗ trợ pháp lý trong tranh chấp đối với hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và người lao động. Tranh chấp hợp đồng giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đối tác trong xuất nhập khẩu hàng hóa.

Nếu bệnh dịch kéo dài hơn (đến quý 3 hoặc hết năm 2020), Chính phủ cần tính tới các biện pháp thiệp mạnh mẽ hơn mang tính “giải cứu”.

4.3. Những chính sách giải cứu

+ Tập trung không chỉ vào khả năng thanh khoản mà còn là khả năng thanh toán (tồn tại hay phá sản) của các doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước cần sẵn sàng bơm thêm thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Lãi suất có thể cắt giảm thêm 1 – 2 điểm phần trăm.

+ Khi các chính sách tiền tệ hay tài khóa truyền thống không đủ hỗ trợ khả năng thanh toán của doanh nghiệp thì cần có các can thiệp tài khóa trực tiếp từ chính phủ như mua lại nợ, tăng sở hữu vốn nhà nước... ở một số lĩnh vực đặc biệt quan trọng. Cần tránh tối đa sự đổ vỡ của các tập đoàn lớn.

+ Cầu chi tiêu từ khu vực doanh nghiệp và người dân giảm mạnh, Nhà nước cần đóng vai trò là đối tượng chi tiêu chính. Do vậy, đầu tư công đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Đầu tư công phải đúng mục đích, tập trung vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng đã được phê duyệt và cần đúng thời điểm mà nền kinh tế cần. Cần có sự giám sát chặt chẽ của Quốc hội để tránh xảy ra những hệ lụy tiêu cực.

+ Bất kể bệnh dịch kéo dài bao lâu, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ phá sản, Việt Nam cần đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cần giữ lạm phát và lãi suất ở mức thấp, tỷ giá ổn định, đầu tư công được thực hiện đúng mục đích và giám sát tốt, môi trường đầu tư được cải thiện, thì sau bệnh dịch, nền kinh tế sẽ hồi phục nhanh chóng. Ngược lại sẽ mất nhiều năm tiếp theo để giải quyết các vấn đề không phải bệnh dịch, nền kinh tế sẽ đình trệ trong thời gian dài như giai đoạn hậu khủng hoảng 2007 – 2008. .

Tài liệu tham khảo

- ADB (2020), *The Economic Impact of the COVID-19 Outbreak on Developing Asia*, Asian Development Outlook 2020, DOI: <http://dx.doi.org/10.22617/BRF200096>.
- Baldwin, R. & Mauro, B.W. (2020), *Economics in the Time of COVID-19*, CEPR Press.
- Bloomberg (2020), *Vietnam's GDP Growth Slows in First Quarter as Virus Hits*, last retrieved on April 1st, 2020, from: <<https://www.bloomberg.com/news/articles/2020-03-27/vietnam-s-gdp-growth-slows-in-first-quarter-amid-virus-spread>>.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), *Báo cáo nhanh về tác động của dịch Corona đến kinh tế thế giới và Việt Nam*, Hà Nội.
- Correia, S., Luck, S. & Verner, E. (2020), *Pandemics Depress the Economy, Public Health Interventions Do Not: Evidence from the 1918 Flu*, last retrieved on April 1st, 2020, from: <<https://ssrn.com/abstract=3561560> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3561560>>.
- Deutsche Bank (2020), *Maximum Containment, Social Distancing & the Economics of Stoppage*, last retrieved on April 1st, 2020, from: <<https://www.proshareng.com/report/Health/Maximum-Containment,-Social-Distancing-&-the-Economics-of-Stoppage---Deutsche-Bank/13302>>.
- IMF (2020), *Policy Responses to COVID-19*, last retrieved on April 1st, 2020, from: <<https://www.imf.org/en/Topics/imf-and-covid19/Policy-Responses-to-COVID-19>>.
- McKinsey & Company (2020), *COVID-19: Briefing material*, McKinsey & Company.
- Ngân hàng Nhà nước (2020), *Báo cáo số 67/BC-NHNN, Báo cáo tác động của dịch Covid-19 lên kinh tế, tiền tệ; định hướng giải pháp thời gian tới, công bố ngày 12 tháng 3 năm 2020*.
- Thủ tướng Chính phủ (2020), *Chỉ thị số 11/CT-TTg: về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19*, ngày 04/03/2020.
- Trần Thọ Đạt và Tô Trung Thành (2020), *Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2019*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Trung tâm WTO (2020), *Dịch Covid-19: “Cú sốc” lớn đối với nền kinh tế*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 4 năm 2020, từ: <<http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/15059-dich-covid-19-cu-soc-lon-doi-voi-nen-kinh-te>>.
- UNCTAD (2020), *The Covid-19 Shock to Developing Countries: Towards a “whatever it takes” programme for the two-thirds of the world’s population being left behind*, Trade and Development Report Update UNCTAD/GDS/INF/2020/2.
- World Bank (2020), *East Asia and Pacific in the Time of COVID-19*, World Bank East Asia and Pacific Economic Update, last retrieved on April 10th, 2020, from <<https://www.worldbank.org/en/region/eap/publication/east-asia-pacific-economic-update>>.